

Bản án số: 226/2017/HSST
Ngày: 21-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tiến.
2. Ông Nguyễn M Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 226/2017/HSST ngày 24-10-2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2017/HSST-QĐ ngày 07-11-2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M - sinh năm 1986 tại Bắc Giang. Nơi ĐKKHKT: thôn Chồi 2, xã LS, huyện LN, tỉnh BG; Nơi cư trú: khu phố 3, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962. Tiền án, tiền sự: Chưa. Tạm giữ: Ngày 31/5/2017. Tạm giam: 03/6/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn Nhân Văn, xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Nguyễn Ngọc Th , sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn La Giang, xã Văn Tổ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Anh Kh, anh Th vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Trần Văn T , sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn Bằng Lai, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Gi , sinh năm 1988.

2. Anh Trần Văn N , sinh năm 1989.

Đều cư trú: thôn Chồi 1, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đều vắng mặt tại phiên tòa. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Trần Văn V , sinh năm 1989.

ĐKHKTT: thôn Chồi 1, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h ngày 26/7/2011, Trần Văn V , Nguyễn Văn Gi , Trần Văn N , Nguyễn Văn M đi đến xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương chơi. Cùng thời điểm đó, Việt nhận được tin nhắn của chị Trần Thị Y (là em gái V) thông báo về việc Yên và anh Trần Văn T ở cạnh phòng trọ của Yên cãi nhau. V nói với Gi, N, M: “có thằng chửi cái Y, anh em mình đến đánh cho nó một trận”. Tất cả đồng ý rồi đi về phòng trọ của Nguyễn Tiến V ở Tiền Trung, Ái Quốc, thành phố HD là bạn của Trần Văn V lấy hung khí, Việt lấy 01 ống tuýp sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 02cm, M lấy 01 con dao phay kích thước 25cm x 07cm, Giang nhặt 01 vỏ chai nước bằng thủy tinh và 01 viên gạch chỉ kích thước 7x15cm rồi cả nhóm đi đến phòng trọ của Yên cùng ở khu Tiền Trung, Ái Quốc, thành phố HD (cách phòng trọ của Nguyễn Tiến V khoảng 200m). Khoảng 01h00 phút ngày 27/7/2011, khi cả nhóm đến nơi, Việt đưa tuýp sắt cho M, V cầm dao phay rồi cả hai gọi cửa phòng anh Th, còn Nh và Gi đứng ở sân phòng trọ. Lúc này, trong phòng trọ có anh Nguyễn Văn Kh, anh Nguyễn Ngọc Th . Anh Th ra mở cửa, Việt nói: “đứa nào chửi em tao”, Y từ phòng trọ đi sang chỉ về phía anh Th nói: “Chỉ có thằng cao cao, gầy gầy kia thôi” rồi về

phòng. M dùng tuýp sắt vút vào vùng đầu, vào người anh Th; V dùng dao chém 02 phát vào cánh tay trái và bả vai trái anh Th; Gi đi vào ném gạch xuống nền nhà và tay trái cầm vỏ chai thủy tinh giơ lên đập một phát vào vai anh Thắng, dùng chân tay đấm đá vào vùng đầu, người anh Th; N dùng tay tát 02, 03 cái vào mặt anh Kh, anh Kh bỏ chạy. Nhất tiếp tục cùng Việt và Giang dùng chân tay đánh vào mặt, đầu anh Thắng. Sau đó M quay sang dùng tuýp sắt vút vào đầu anh Thắng; Việt dùng dao chém 01 nhát vào anh Thắng, Giang quay sang dùng chân tay tiếp tục đánh anh Th, anh Kh. Thấy anh T bị chảy máu nhiều Gi, N, M, V dừng lại không đánh nữa. Lúc này M để tuýp sắt xuống nền nhà, giằng lấy con dao trên tay V. V nhặt chiếc tuýp sắt lên rồi cùng Giang, Nhất đi về phòng trọ của Y. M ở lại cầm con dao phay ở tay phải đứng ở cửa và bắt các anh T, Th, Kh ngồi cúi mặt xuống đất; thấy anh T đang cầm một chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia N73 màu đen trên tay, M nói “Đưa điện thoại đây”. Do sợ bị M dùng dao đánh tiếp nên anh T đưa chiếc điện thoại cho M. Sau đó thấy trên giường có 03 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại di động Nokia 6610 màu đen – xám của anh T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6030 màu đen của anh Th, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 7610 màu đỏ - đen của anh Kh, M tiếp tục bảo anh T: “Đưa nốt mấy chiếc còn lại đây”. Anh T đi vào giường lấy ba chiếc điện thoại đưa cho M. M cất 04 chiếc điện thoại trên vào túi quần đang mặc rồi đi ra ngoài khóa cửa phòng lại mục đích để anh Thắng, anh Th, anh Kh không đuổi theo rồi đi về phòng trọ của Nhất ở Cẩm Chén, Thanh Hà để ngủ. Anh Thắng, anh Th được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa Hòa Bình và bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, điều trị đến ngày 08/8/2011 thì ra viện. Sau khi lấy được 04 chiếc điện thoại M không nói cho ai biết, đến ngày 27/7/2011 trên đường bỏ trốn M đã vút 04 chiếc điện thoại đi không xác định được địa điểm nên không thu giữ được.

Ngày 28/7/2011 anh Kh, anh Th có đơn yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Việt, Giang, Nhất, M đều bỏ trốn. Đến ngày 09/6/2012 Giang, Nhất đã ra đầu thú tại Công an thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Đối với Trần Văn V, sau khi phạm tội đã bỏ trốn vào thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/4/2016 Trần Văn V phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 2 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Văn M đã bị bắt theo Lệnh truy nã số 38 ngày 17/7/2012 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 286A ngày 27/10/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Đối với thương tích của anh Trần Văn T : Vết thương vùng đỉnh trái gây vỡ xương sọ; Vết thương 1/3 trên cánh tay trái gây đứt cơ đen ta, cơ nhị đầu, mẻ xương cánh tay; vết thương mặt sau 1/3 dưới cằm tay trái gây đứt cơ; gân duỗi cổ tay. Mức độ tổn hại sức khỏe 29%.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 286B ngày 27/10/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Đối với thương tích của anh Nguyễn Văn Kh: Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu bên trái, chấn thương phần mềm vùng đỉnh đầu, cằm tay trái, rách da ngón trỏ tay trái. Mức độ tổn hại sức khỏe 01%.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 286C ngày 27/10/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Đối với thương tích của anh Nguyễn Ngọc Th : Sẹo đa vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu, sau bả vai trái, cổ mu tay trái. Mức độ tổn hại sức khỏe 04%.

Tại kết luận định giá tài sản số 207/KL-HĐĐG ngày 04/11/2011, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự - UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị chiếc điện thoại Nokia 6030 là 150.000đ; giá trị chiếc điện thoại Nokia 7610 là 720.000đ; giá trị chiếc điện thoại Nokia N73 là 1.750.000đ; giá trị chiếc điện thoại Nokia 6610 là 245.000đ; giá trị chiếc ví đen do Trung Quốc sản xuất là 10.000đ; chi phí làm lại 04 sim điện thoại là 80.000đ. Tổng giá trị tài sản là 2.955.000đ.

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chấp nhận bồi thường giá trị 02 chiếc điện thoại theo yêu cầu của anh Thắng.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Ngọc Th , Trần Văn T xác định: Về trách nhiệm dân sự đối với tội Cố ý gây thương tích: Đã được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết trong vụ án xét xử Trần Văn N và Nguyễn Văn Gi . Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các anh đã có đơn đến cơ quan Thi hành án dân sự nhưng đến nay các anh vẫn chưa nhận được tiền bồi thường. Tuy nhiên tại vụ án này các anh không có yêu cầu gì đối với bị cáo Nguyễn Văn M về trách nhiệm dân sự. Đối với việc bồi thường về 04 chiếc điện thoại bị M chiếm đoạt. Anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 1.995.000đ. Anh Th và anh Kh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị 02

chiếc điện thoại, các anh xác định cho bị cáo. Về trách nhiệm hình sự: Các anh đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Gi , Trần Văn N xác định: Về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại bản án số 02/2013/HSST ngày 09/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Tại thời điểm này các anh chưa bồi thường cho người bị hại nên cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền bồi thường cho các anh. Sau này nếu phải bồi thường cụ thể như thế nào cho người bị hại, các anh có yêu cầu bị cáo hoàn trả lại thì sẽ khởi kiện thành một vụ án dân sự khác, trong vụ án này các anh không có đề nghị gì với Hội đồng xét xử.

Tại Cáo trạng số 224/VKS-HS ngày 23/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. (được viết tắt là BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cướp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 50 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 33 – 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Xử phạt bị cáo từ 7 năm 03 tháng – 7 năm 6 tháng tù về tội Cướp tài sản. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 năm – 10 năm 6 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 31/5/2017.

Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357 BLDS; Điều 42 BLHS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 1.995.000đ.

Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết.

Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi người bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01h00 phút ngày 27/7/2011 tại phòng trọ của anh Trần Văn T ở khu Tiền Trung, Ái Quốc, thành phố Hải Dương. Trần Văn V cùng với Nguyễn Văn Gi, Trần Văn N, Nguyễn Văn M dùng dao phay chém, dùng tuýp sắt và vỏ chai thủy tinh đánh anh Trần Văn T gây vỡ xương sọ vùng đỉnh trái; đứt cơ đen ta, cơ nhị đầu, mẻ xương trên 1/3 cánh tay trái và đứt cơ, gân duỗi cổ tay trái tỷ lệ thương tích 29%; anh Nguyễn Ngọc Th bị chấn thương phần mềm vùng đỉnh đầu, sau bả vai trái, cổ mu tay trái tỷ lệ thương tích 04%; anh Nguyễn Văn Kh bị thương tích phần mềm vùng đỉnh đầu trái, cẳng tay trái, rách da ngón trỏ tay trái tỷ lệ thương tích 01%. Sau đó M dùng dao đe dọa, uy hiếp tinh thần chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Nokia 6610; 01 chiếc điện thoại Nokia 7610 của anh Thắng; 01 chiếc điện thoại Nokia 6030 của anh Th; 01 chiếc điện thoại di động Nokia 7610 của anh Kh. Tổng giá trị tài sản M chiếm đoạt là 2.945.000đ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến sức khỏe và tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc dùng tay chân đánh người khác và dùng dao chém người khác sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của họ nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo cùng Nhất, Giang, Việt dùng công cụ là dao và tuýp sắt để gây thương tích cho người bị hại, theo hướng dẫn tại Nghị Quyết 01/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định đó là “hung khí nguy hiểm” (theo điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS). Các bị cáo không có mâu thuẫn gì với những người bị hại vì nghe thông tin một trong những người bị hại trên chị Yên (em ruột Việt) mà các bị cáo đã có hành vi hung hãn cao độ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác vì những nguyên cớ rất nhỏ nhặt, hành vi đó được xác định là “có tính chất

côn đồ” (theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 104 BLHS). Vì có 02 tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 104, tỷ lệ thương tích của người bị hại từ 11% đến 30% nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS.

Sau khi gây thương tích cho các anh T, Th, Kh xong bị cáo tiếp tục sử dụng dao và có lời nói đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho các anh lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt 04 chiếc điện thoại di động có tổng trị giá 2.945.000đ. Bị cáo sử dụng dao để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản được xác định là phương tiện nguy hiểm, theo quy định tại Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, bàn bạc từ trước. Đối với vụ án Cố ý gây thương tích, bị cáo Việt là người đề xuất và thực hành tích cực nên giữ vai trò đầu. Trần Văn N , Nguyễn Văn Gi , Nguyễn Văn Mgiữ vai trò đồng phạm thực hành. Đối với vụ án Cướp tài sản, bị cáo thực hiện hành vi một mình, không có sự bàn bạc và phân công nhiệm vụ với các bị cáo khác.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 25/6/2004 bị cáo bị Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo. Ngày 05/5/2005 bị cáo bị Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ/XPVPHC về hành vi cố ý gây thương tích bằng hình thức phạt tiền. Tại bản án số 35/2006/HSST, ngày 16/5/2006 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bù Nãng, tỉnh Bình Phước xử phạt 07 tháng tù về tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản. Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 50.000.000đ nên được xác định là gây thiệt hại không lớn. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là những tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm p, g khoản 1, 2 Điều 46 BLHS. Theo quy định tại khoản 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc áp dụng BLHS năm 2015: Thực hiện các quy định có lợi cho bị cáo tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015. (Cụ thể: Đối với tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 có khung hình phạt từ 2 năm - 7 năm tù, theo quy định tại khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 02 năm - 06 năm tù). HĐXX sẽ xem xét áp dụng phân hình

phạt có lợi theo quy định của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

Bị cáo bị xét xử về hai tội Cố ý gây thương tích và Cướp tài sản. HĐXX sẽ quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội theo quy định tại Điều 50 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tội Cố ý gây thương tích đã được giải quyết tại bản án số 02/2013/HSST ngày 09/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với tội Cướp tài sản. Người bị hại anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh giá trị 02 chiếc điện thoại là 1.995.000đ. Xét yêu cầu của người bị hại là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Người bị hại là anh Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Văn Kh bị chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại, các anh xác định cho bị cáo giá trị 02 chiếc điện thoại trên, bị cáo đồng ý nhận nên HĐXX không phải giải quyết.

Đối với Nguyễn Văn Gi, Trần Văn N đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử tại Bản án số 02/2013/HSST ngày 09/01/2013 về tội Cố ý gây thương tích. Trần Văn V đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử tại Bản án số 127/2017/HSST ngày 28/7/2017.

Đối với anh Nguyễn Tiến Việt, chị Trần Thị Yên không bàn bạc, không tham gia đánh và chiếm đoạt tài sản của các anh Thắng, Thạch, Khuyến nên không có căn cứ xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cướp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 50 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 33 (ba mươi ba) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Cướp tài sản.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 31/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357 BLDS; Điều 42 BLHS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: thôn Bằng Lai, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương số tiền 1.995.000đ (một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương.
- Công an Tp Hải Dương.
- Chi cục THADS TP Hải Dương.
- Bị cáo;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT VỤ NGUYỄN VĂN MẠNH

Thẩm phán: Phạm Thị Đào.

Xét xử ngày 21/11/2017.

Bị cáo: Phạm 02 tội Cố ý gây thương tích và Cướp tài sản.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 25/6/2004 bị cáo bị Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo. Ngày 05/5/2005 bị cáo bị Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ/XPVPHC về hành vi

cố ý gây thương tích bằng hình thức phạt tiền. Tại bản án số 35/2006/HSST, ngày 16/5/2006 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bù Năng, tỉnh Bình Phước xử phạt 07 tháng tù về tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Giá trị tài sản chiếm đoạt của tội Cướp tài sản: 2.945.000đ

ĐỀ XUẤT VỀ HÌNH PHẠT

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Mphạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cướp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 50 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Mphạm từ **33 – 36** tháng về tội Cố ý gây thương tích; từ **7 năm – 7 năm 3** tháng về tội Cướp tài sản. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là.....thời hạn tính từ ngày tạm giữ 31/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357 BLDS; Điều 42 BLHS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn T , sinh năm 1990. Nơi cư trú: thôn Bằng Lai, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương số tiền 1.995.000đ (một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại (anh Thắng) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (anh Kh, anh Th) có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

